

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 13/2026/QH16

LUẬT
PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nguyên tắc, biện pháp, nguồn lực và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động, cư trú trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vũ khí hủy diệt hàng loạt* là các loại vũ khí có khả năng sát thương cao trên diện rộng, gây tổn thất lớn về tính mạng, sức khỏe con người, phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất, môi trường sinh thái và gây hoảng loạn về tâm lý, tinh thần con người, bao gồm vũ khí hạt nhân, vũ khí phóng xạ, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học và vũ khí khác có khả năng hủy diệt hàng loạt tương tự.

2. *Vũ khí hạt nhân* là vũ khí sử dụng năng lượng được giải phóng từ các phản ứng hạt nhân không kiểm soát, phản ứng phân hạch hạt nhân, phản ứng tổng hợp hạt nhân hoặc các dạng phản ứng khác, bao gồm đạn dược hạt nhân, thiết bị nổ hạt nhân, phương tiện phóng dẫn đường và các bộ phận thiết bị chuyên dùng cấu thành vũ khí hạt nhân.

3. *Vũ khí phóng xạ* là vũ khí sử dụng chất phóng xạ gây sát thương, gây tổn hại chiếu xạ hoặc ô nhiễm phóng xạ đối với con người, môi trường hoặc vật thể mà không thông qua phản ứng hạt nhân, bao gồm các chất chứa phóng xạ, thiết bị phát tán chất phóng xạ, thiết bị gây chiếu xạ, phương tiện mang và các bộ phận chuyên dùng cấu thành.

4. *Vũ khí hóa học* là vũ khí dựa trên đặc tính gây độc cao và tác động nhanh của các loại hóa chất độc, tiền chất độc, gây tử vong hoặc gây tác hại lớn cho môi trường sinh thái, bao gồm hóa chất độc và tiền chất của chúng, đạn dược và thiết bị được thiết kế chuyên biệt hoặc bất kỳ loại trang thiết bị nào được thiết kế chuyên dụng, trực tiếp liên quan đến sử dụng các loại đạn dược.

5. *Vũ khí sinh học* là vũ khí dựa trên đặc tính gây bệnh hoặc truyền bệnh của các tác nhân sinh học gây dịch giết hại hàng loạt cho người, động vật, thực vật, bao gồm vi sinh vật, tác nhân sinh học khác hoặc độc tố bất kể nguồn gốc hoặc phương pháp nào tạo ra chúng, thuộc các chủng loại và số lượng không có lý do chính đáng sử dụng cho mục đích phòng ngừa, bảo vệ hoặc mục đích hòa bình khác; vũ khí, thiết bị hoặc phương tiện mang được thiết kế để sử dụng tác nhân sinh học hoặc độc tố cho mục đích thù địch hoặc trong xung đột vũ trang.

6. *Phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt* là thiết bị mang, phóng, rải hoặc phát tán vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm tên lửa, rốc-kết, phương tiện bay không người lái hoặc thiết bị không người lái khác và các phương tiện, hệ thống được thiết kế, chế tạo, cải hoán chuyên dùng hoặc có đặc tính kỹ thuật hoặc tác nhân khác mang vũ khí hủy diệt hàng loạt tới mục tiêu.

7. *Phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt* là hành vi của cơ quan, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, phát triển, sản xuất, tiếp nhận, sở hữu, mua bán, trao đổi, tàng trữ, cung cấp, vận chuyển, chuyển giao, chuyển nhượng, xuất khẩu, nhập khẩu hoặc sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt, phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt; thực hiện, hỗ trợ cho các hoạt động trái pháp luật liên quan đến vật liệu, thiết bị, công nghệ, hàng hóa lưỡng dụng và các nguồn lực khác nhằm phục vụ việc phát triển, sản xuất, chế tạo hoặc sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt và phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt; các hoạt động có liên quan được quy định trong các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

8. *Tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt* là hành vi của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp, huy động, chuyển giao, quản lý, sử dụng tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, lợi ích kinh tế, tài sản số hoặc phương thức chuyển giao giá trị khác nhằm thực hiện, hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp cho phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, cho hoặc vì lợi ích của tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

9. *Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt* là hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

10. *Hàng hóa lưỡng dụng* là hàng hóa được sử dụng cho mục đích dân sự nhưng có thể được sử dụng toàn bộ hoặc một phần để phát triển, sản xuất, chế tạo vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt.

11. *Tổ chức, cá nhân bị chỉ định* là tổ chức, cá nhân có tên trong danh sách do Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ban hành hoặc danh sách do Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác lập do có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

12. *Bên thứ ba ngay tình* là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích hợp pháp đối với tài sản, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ bị áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, phong tỏa, tạm giữ, niêm phong theo quy định của Luật này đã xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ liên quan một cách thiện chí, hợp pháp mà không biết, không thể biết, không có hành vi thông đồng, che giấu, tiếp tay hoặc tạo điều kiện cho việc phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

13. *Cảnh báo rủi ro* là thông tin, dấu hiệu, chỉ báo hoặc khuyến nghị do cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc cơ chế hợp tác quốc tế có liên quan cung cấp, trao đổi, công bố, xác lập nhằm phục vụ việc nhận diện, đánh giá, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

14. *Chủ thể kiểm soát thực tế* là cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối, quyết định hoặc có khả năng quyết định đối với hoạt động, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, người sử dụng cuối cùng hoặc mục đích sử dụng cuối cùng có liên quan đến nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

15. *Người sử dụng cuối cùng* là cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận, quản lý, khai thác, sử dụng cuối cùng hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát.

16. *Mục đích sử dụng cuối cùng* là mục đích mà hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát được sử dụng sau cùng, được xác định trên cơ sở khai báo, cam kết của người sử dụng cuối cùng và thông tin, tài liệu được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, xác minh theo quy định của pháp luật.

17. *Bên thụ hưởng* là cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nhận, sử dụng hoặc hưởng lợi từ tiền, tài sản, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ hoặc giao dịch có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

18. *Đóng băng tài khoản* là việc áp dụng ngay các biện pháp theo quy định của pháp luật để trì hoãn tạm thời một phần hoặc toàn bộ quyền truy cập, sử dụng,

chuyển khoản, rút tiền hoặc thực hiện giao dịch đối với số tiền, tài sản có trên tài khoản của tổ chức, cá nhân bị chỉ định hoặc tài khoản có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà không thông báo trước cho chủ tài khoản nhằm ngăn chặn việc tẩu tán, chuyển dịch tài sản.

Điều 4. Nguyên tắc phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tính mạng, sức khỏe con người; đặt dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước và phát huy trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Lấy phòng ngừa là chính; chủ động phát hiện, cảnh báo sớm, ngăn chặn, xử lý kịp thời nguy cơ, hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; thực hiện quản lý, kiểm soát trên cơ sở đánh giá rủi ro.

3. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt không thay thế chức năng quản lý nhà nước theo pháp luật chuyên ngành; không đặt ra thủ tục quản lý, cấp phép, khai báo, báo cáo, giám sát, thanh tra, kiểm tra trùng lặp với pháp luật chuyên ngành.

5. Bảo đảm phối hợp liên ngành, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cảnh báo rủi ro kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng mục đích.

6. Bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt với thúc đẩy nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội.

7. Trong quá trình thực hiện công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, nếu phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì phải chuyển ngay hồ sơ vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chính sách về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Ưu tiên bố trí nguồn lực, phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, dữ liệu và năng lực cảnh báo sớm phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phân tích dữ liệu phục vụ nhận diện, cảnh báo, kiểm soát rủi ro trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo tiếp cận thông tin, được đào tạo, hướng dẫn tuân thủ và xây dựng chương trình tuân thủ nội bộ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp, chia sẻ thông tin, dấu hiệu liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt phục vụ công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Tuân thủ quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và yêu cầu, quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Chủ động nhận diện, đánh giá và quản lý rủi ro trong phạm vi hoạt động; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát phù hợp với tính chất hoạt động và rủi ro.

3. Thực hiện nghĩa vụ khai báo, báo cáo, cung cấp thông tin, lưu giữ hồ sơ; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hành vi bị nghiêm cấm

1. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, phát triển, sản xuất, tiếp nhận, sở hữu, mua bán, trao đổi, tàng trữ, cung cấp, vận chuyển, chuyển giao, chuyển nhượng, xuất khẩu, nhập khẩu hoặc sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt, phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt; thực hiện, hỗ trợ cho các hoạt động trái pháp luật liên quan đến vật liệu, thiết bị, công nghệ, hàng hóa lưỡng dụng và các nguồn lực khác nhằm phục vụ việc phát triển, sản xuất, chế tạo, sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt và phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt; các hoạt động có liên quan được quy định trong các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

2. Cung cấp, huy động, chuyển giao, quản lý, sử dụng tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, lợi ích kinh tế, tài sản số hoặc phương thức chuyển giao giá trị khác nhằm thực hiện, hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp cho hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, cho hoặc vì lợi ích của tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

3. Lợi dụng hoạt động kinh tế - xã hội để trực tiếp thực hiện, che giấu, hỗ trợ hoặc tạo điều kiện cho phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ được giao trong phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; cản trở hoạt động hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bao che, tiếp tay hoặc xử lý không đúng việc phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; tiêu hủy hồ sơ, chứng từ, dữ liệu nhằm trốn tránh biện pháp quản lý, kiểm soát theo quy định của Luật này.

6. Cản trở, chống đối, không chấp hành quyết định giám sát, thanh tra, kiểm tra, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, biện pháp ngăn chặn theo quy định của Luật này.

Điều 8. Hợp tác quốc tế

1. Hợp tác quốc tế về phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Nội dung hợp tác quốc tế về phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm:

a) Trao đổi, chia sẻ thông tin phục vụ phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng năng lực quản lý, kiểm soát; xây dựng hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật;

c) Phối hợp kiểm soát hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ tài chính và giao dịch có liên quan;

d) Phối hợp xác minh, truy vết, phong tỏa, giải tỏa, xử lý tài sản, giao dịch liên quan đến tổ chức, cá nhân bị chỉ định;

đ) Các nội dung khác liên quan đến thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Chương II

BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VÀ TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Mục 1

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT ĐẶC THÙ

Điều 9. Biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù

1. Biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù là biện pháp quản lý, kiểm soát được áp dụng theo quy định của Luật này trên cơ sở đánh giá rủi ro đối với hoạt

động, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù, bao gồm:

- a) Quản lý, kiểm soát theo Danh mục kiểm soát;
- b) Quản lý, kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát;
- c) Quản lý, kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;
- d) Quản lý, kiểm soát tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- đ) Quản lý thông tin, cảnh báo sớm.

Điều 10. Quản lý rủi ro quốc gia trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Quản lý rủi ro quốc gia trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là quá trình nhận diện, thu thập, phân tích, đánh giá, theo dõi, cập nhật, giám sát và cảnh báo rủi ro về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trên phạm vi quốc gia, làm cơ sở lựa chọn và áp dụng các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát, giảm thiểu và xử lý tương xứng với rủi ro.

2. Đánh giá rủi ro quốc gia được thực hiện định kỳ 05 năm một lần và được rà soát, cập nhật hằng năm hoặc thực hiện đánh giá đột xuất khi xuất hiện nguy cơ mới hoặc có yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan.

3. Cơ quan đầu mối quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức đánh giá rủi ro quốc gia; trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết quả đánh giá được phê duyệt, phải công bố, phổ biến hoặc chia sẻ kết quả đánh giá với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Việc công bố, phổ biến, chia sẻ phải bảo đảm bí mật nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; trường hợp không công bố hoặc công bố một phần thì phải có căn cứ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cảnh báo rủi ro, cập nhật rủi ro thuộc phạm vi quản lý, hoạt động của mình; áp dụng biện pháp phòng ngừa, kiểm soát phù hợp với rủi ro theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

5. Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia là căn cứ để xây dựng, điều chỉnh chính sách, kế hoạch, danh mục kiểm soát, tiêu chí quản lý rủi ro, cơ chế cảnh báo sớm; xác định đối tượng, hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát; áp dụng biện pháp kiểm soát đặc thù, giám sát, thanh tra, kiểm tra; nâng cao năng lực thực thi và thực hiện nghĩa vụ quốc tế về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

6. Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia được chia sẻ, khai thác, sử dụng chung với hệ thống quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan, quản lý thuế, phòng, chống rửa tiền và lĩnh vực chuyên ngành có liên quan.

7. Chính phủ quy định trách nhiệm, phương pháp, nguồn thông tin, dữ liệu để đánh giá rủi ro quốc gia; việc công bố, chia sẻ, khai thác, sử dụng kết quả đánh giá rủi ro quốc gia và trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 11. Tiêu chí đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là quá trình nhận diện, phân tích và xác định rủi ro quốc gia về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trên cơ sở phân tích, đối chiếu các tiêu chí nguy cơ, mức độ dễ bị tổn thương và hậu quả tiềm tàng.

2. Tiêu chí đánh giá nguy cơ về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm:

a) Tổ chức, cá nhân, quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc chủ thể khác có nguy cơ thực hiện, hỗ trợ, tài trợ, chỉ đạo, kiểm soát, che giấu, tạo điều kiện hoặc bị lợi dụng cho hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, hoạt động thương mại, đầu tư, vận tải, logistics, nghiên cứu khoa học, đào tạo, chuyển giao công nghệ hoặc hoạt động khác có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Xu hướng phát triển khoa học, công nghệ, phương thức mới có khả năng bị lợi dụng để phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Nguy cơ phát sinh từ quốc gia, vùng lãnh thổ, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, bên trung gian, bên môi giới, bên nhận ủy thác, bên đại diện, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng có rủi ro về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

đ) Thông tin cảnh báo trong nước, quốc tế; khuyến nghị của tổ chức quốc tế; thông tin, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền và cơ quan khác có liên quan cung cấp.

3. Tiêu chí đánh giá mức độ dễ bị tổn thương về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm:

a) Vướng mắc, bất cập trong hệ thống pháp luật, cơ chế phối hợp, kiểm soát chuyên ngành, quy trình nghiệp vụ, chia sẻ thông tin, dữ liệu và cảnh báo rủi ro;

b) Năng lực của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nhận diện, phân tích, dự báo, giám sát, phát hiện, xác minh, ngăn chặn, điều tra, xử lý nguy cơ, hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Mức độ tuân thủ pháp luật, hiệu quả của chương trình tuân thủ nội bộ, cơ chế nhận diện, đánh giá, kiểm soát rủi ro, lưu giữ hồ sơ, báo cáo, kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

d) Mức độ phụ thuộc vào công nghệ, tuyển dụng chuyên, chuỗi cung ứng, hạ tầng số, nền tảng công nghệ hoặc quốc gia, vùng lãnh thổ có rủi ro về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Tiêu chí đánh giá hậu quả tiềm tàng về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm:

a) Tác động đến chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Tác động đến tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, cơ sở hạ tầng thiết yếu, an toàn cộng đồng và ổn định xã hội;

c) Thiệt hại về kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học, công nghệ, uy tín quốc gia và hoạt động hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 12. Danh mục kiểm soát

1. Danh mục kiểm soát theo quy định của Luật này là Danh mục hàng hóa lưỡng dụng, dịch vụ có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, được xây dựng trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro quốc gia và dữ liệu đã được tích hợp, chuẩn hóa, cập nhật, dẫn chiếu từ các danh mục kiểm soát chuyên ngành có liên quan thuộc phạm vi quản lý của các bộ, ngành theo quy định của pháp luật.

2. Danh mục kiểm soát không thay thế danh mục kiểm soát chuyên ngành do Bộ, ngành ban hành hoặc công bố; không làm phát sinh điều kiện đầu tư kinh doanh, giấy phép, chấp thuận, xác nhận, thủ tục khai báo, báo cáo, giám sát, kiểm tra, thanh tra trùng lặp. Việc quản lý, cấp phép, chấp thuận, xác nhận, thông quan, giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với hàng hóa lưỡng dụng, dịch vụ thuộc Danh mục kiểm soát được thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

3. Danh mục kiểm soát được sử dụng để nhận diện, đánh giá, cảnh báo, chia sẻ thông tin, dữ liệu và áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù theo quy định của Luật này đối với hàng hóa lưỡng dụng, dịch vụ thuộc Danh mục kiểm soát.

4. Hàng hóa lưỡng dụng, dịch vụ được quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp có cảnh báo rủi ro về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà thông tin theo pháp luật chuyên ngành chưa đủ để đánh giá rủi ro thì cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bổ sung thông tin, tài liệu, dữ liệu trực tiếp phục vụ phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro, nếu hàng hóa lưỡng dụng, dịch vụ có nguy cơ về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thì áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát theo quy định của Luật này.

5. Danh mục kiểm soát được rà soát, cập nhật định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; có thay đổi về điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan; pháp luật chuyên ngành có thay đổi; xuất hiện nguy cơ mới hoặc yêu cầu cấp thiết về quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

6. Danh mục kiểm soát được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và kết nối, chia sẻ với các cơ quan có liên quan.

7. Chính phủ ban hành Danh mục kiểm soát; quy định trình tự, thủ tục xây dựng, rà soát, cập nhật, công bố, khai thác và sử dụng Danh mục kiểm soát.

Điều 13. Hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát

Các hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát khi liên quan đến hàng hóa lưỡng dụng, dịch vụ thuộc Danh mục kiểm soát, bao gồm:

1. Xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ;

2. Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, sản xuất, chế tạo, lưu giữ, sử dụng, vận chuyển, tiêu hủy hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ;

3. Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, tư vấn kỹ thuật và các dịch vụ khác có liên quan;

4. Môi giới, đại diện, nhận ủy thác, xúc tiến thương mại hoặc hoạt động trung gian khác có liên quan đến hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ thuộc diện quản lý, kiểm soát.

Điều 14. Biện pháp quản lý, kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng, dịch vụ thuộc Danh mục kiểm soát

1. Biện pháp quản lý, kiểm soát, bao gồm:

a) Cấp phép, chấp thuận, xác nhận hoặc áp dụng biện pháp quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật;

b) Khai báo, báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu để đánh giá nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế, tuyển vận chuyển, chuỗi cung ứng và thông tin phục vụ việc quản lý, kiểm soát;

d) Lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu có liên quan đến hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát;

đ) Kiểm tra, giám sát, cảnh báo, theo dõi, hậu kiểm việc thực hiện hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát;

e) Tạm dừng hoạt động khi có dấu hiệu rủi ro cần xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế, tuyển vận chuyển, chuỗi cung ứng;

g) Chấm dứt hoạt động khi có căn cứ cho thấy hoạt động có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân bị chỉ định, hoạt động phục vụ, hỗ trợ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc để thực hiện yêu cầu điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và nghị quyết có liên quan của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hoặc có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh, đối ngoại theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định tạm dừng, chấm dứt hoạt động được thực hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, thời hạn, trách nhiệm thực hiện và quyền khiếu nại, khởi kiện của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị tác động.

3. Thời hạn tạm dừng hoạt động quy định tại điểm e khoản 1 Điều này không quá 15 ngày; trường hợp vụ việc phức tạp cần tiếp tục xác minh thì được gia hạn một lần nhưng không quá 15 ngày và phải nêu rõ lý do gia hạn bằng văn bản. Khi hết thời hạn hoặc không còn căn cứ áp dụng thì phải chấm dứt ngay biện pháp tạm dừng hoạt động. Trường hợp áp dụng trái pháp luật gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm dừng, chấm dứt hoạt động quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều này.

Điều 15. Biện pháp quản lý, kiểm soát hàng hóa, dịch vụ ngoài Danh mục kiểm soát

1. Quản lý, kiểm soát hàng hóa, dịch vụ ngoài Danh mục kiểm soát được áp dụng đối với hoạt động quy định tại Điều 13 của Luật này khi có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Có thông tin, tài liệu, dữ liệu cho thấy người sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi hoặc chủ thể kiểm soát thực tế có liên quan đến tổ

chức, cá nhân bị chỉ định hoặc hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Người sử dụng cuối cùng hoặc mục đích sử dụng cuối cùng không được xác định rõ; hồ sơ, tài liệu, dữ liệu có dấu hiệu bị che giấu, khai báo không đúng, thay đổi bất thường hoặc không chứng minh được theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động quy định tại Điều 13 của Luật này biết hoặc có căn cứ xác định hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ có thể được sử dụng toàn bộ hoặc một phần cho mục đích phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Có cảnh báo của cơ quan có thẩm quyền trong nước, cảnh báo quốc tế liên quan trực tiếp đến hoạt động quy định tại Điều 13 của Luật này, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng hoặc theo yêu cầu của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan.

3. Biện pháp kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát, bao gồm:

a) Yêu cầu cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu, dữ liệu; giải trình về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế;

b) Xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế;

c) Lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu có liên quan;

d) Theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế;

đ) Tạm dừng hoạt động để xác minh khi có dấu hiệu rủi ro cụ thể về người sử dụng cuối cùng hoặc mục đích sử dụng cuối cùng nhưng chưa đủ căn cứ để chấm dứt hoạt động;

e) Chấm dứt hoạt động khi có căn cứ xác định người sử dụng cuối cùng hoặc mục đích sử dụng cuối cùng có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

4. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát phải bằng văn bản, trong đó xác định rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, biện pháp, thời hạn, trách nhiệm thực hiện; được thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện.

5. Thời hạn tạm dừng hoạt động quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này không quá 15 ngày; trường hợp vụ việc phức tạp được gia hạn một lần nhưng không quá 15 ngày và phải nêu rõ lý do bằng văn bản. Khi hết thời hạn hoặc không

còn căn cứ áp dụng thì phải chấm dứt ngay biện pháp, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp. Trường hợp áp dụng trái pháp luật gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

6. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục, thẩm quyền áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 16. Kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát có trách nhiệm cung cấp trung thực, đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng và thông tin, tài liệu khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Cơ quan có thẩm quyền được yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, bổ sung, giải trình thông tin, tài liệu về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng đối với hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát hoặc khi có cảnh báo rủi ro. Trước khi yêu cầu cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm rà soát, kế thừa, sử dụng thông tin, tài liệu, dữ liệu đã có trong hồ sơ, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Chỉ yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu, dữ liệu khi thông tin hiện có chưa đủ để xác định, đánh giá, xác minh, xử lý nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Tiêu chí kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng, bao gồm:

a) Người sử dụng cuối cùng có liên quan đến tổ chức, cá nhân bị chỉ định, danh sách cảnh báo, quốc gia, vùng lãnh thổ có nguy cơ cao về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Mục đích sử dụng cuối cùng không phù hợp với nhu cầu, chức năng, lĩnh vực hoạt động, thông tin, tài liệu đã cung cấp của tổ chức, cá nhân có liên quan;

c) Hàng hóa lưỡng dụng, dịch vụ có đặc tính kỹ thuật, công dụng hoặc khả năng ứng dụng để nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chế tạo, vận hành, bảo dưỡng, sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, bên trung gian, bên môi giới, bên nhận ủy thác, bên đại diện và giao dịch có dấu hiệu bất thường hoặc nhằm che giấu người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;

đ) Hồ sơ, thông tin, tài liệu, dữ liệu không thống nhất, không đầy đủ, có dấu hiệu bị che giấu, giả mạo, thay đổi bất thường hoặc tổ chức, cá nhân từ chối cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

e) Có thông tin cảnh báo, khuyến nghị, thông tin trao đổi từ cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan.

4. Biện pháp kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng, bao gồm:

a) Yêu cầu cung cấp, bổ sung, giải trình hồ sơ, thông tin, tài liệu, dữ liệu có liên quan;

b) Đối chiếu, xác minh thông tin về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng;

c) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cam kết về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;

d) Áp dụng cảnh báo, theo dõi, kiểm tra phù hợp;

đ) Áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

5. Việc kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng phải dựa trên đánh giá rủi ro, không làm phát sinh nghĩa vụ trùng lặp với pháp luật chuyên ngành. Việc áp dụng biện pháp kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng quy định tại khoản 4 Điều này phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, biện pháp, thời hạn, trách nhiệm thực hiện và quyền khiếu nại, khởi kiện của tổ chức, cá nhân.

6. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền áp dụng biện pháp kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 17. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp

1. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp được áp dụng ngay khi phát hiện hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt để ngăn chặn thiệt hại đối với quốc phòng, an ninh, đối ngoại hoặc việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp được áp dụng khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Hoạt động, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, tiền, tài sản hoặc phương tiện có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân bị chỉ định;

b) Có căn cứ xác định hoạt động, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, tiền, tài sản hoặc phương tiện đang hoặc sắp được sử dụng để thực hiện, hỗ trợ hoạt động phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Có nguy cơ tẩu tán, chuyển dịch, tiêu hủy, che giấu hàng hóa, tài liệu, dữ liệu, tiền, tài sản, phương tiện hoặc chứng cứ có liên quan đến nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Có dấu hiệu che giấu người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng hoặc nguồn gốc tiền, tài sản nhằm né tránh biện pháp quản lý, kiểm soát;

đ) Có thông tin cảnh báo, yêu cầu phối hợp, yêu cầu xử lý khẩn cấp từ cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam; có yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc nghị quyết Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, tổ chức quốc tế về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp, bao gồm:

a) Tạm dừng hoạt động, trì hoãn giao dịch có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân bị chỉ định;

b) Phong tỏa tài sản, tài khoản có liên quan theo quy định của pháp luật;

c) Tạm giữ người, tài sản, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, dữ liệu, tài liệu, phương tiện theo quy định của pháp luật;

d) Biện pháp cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp phải bằng văn bản, trong đó xác định rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, thời hạn, trách nhiệm thực hiện, quyền giải trình, khiếu nại, khởi kiện của tổ chức, cá nhân bị tác động.

5. Thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp quy định tại các điểm a, c và d, khoản 3 Điều này không quá 24 giờ kể từ thời điểm áp dụng biện pháp. Khi không còn căn cứ áp dụng thì phải chấm dứt ngay biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp.

Thời hạn áp dụng biện pháp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này đối với tổ chức, cá nhân thuộc danh sách của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc kéo dài đến khi có quyết định đưa ra khỏi danh sách hoặc quyết định giải tỏa của cơ quan có thẩm quyền. Đối với tổ chức, cá nhân thuộc Danh sách do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác lập, thời hạn áp dụng được ghi rõ trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải được rà soát định kỳ ít nhất 06 tháng một lần; trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì phải giải tỏa.

6. Cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp phải rà soát ngay trong thời hạn áp dụng; khi không còn căn cứ thì chấm dứt biện pháp, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị tác động. Trường hợp áp dụng biện pháp trái pháp luật gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

7. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền và cơ chế phối hợp thực hiện các biện pháp ngăn chặn, phản ứng khẩn cấp quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 18. Chương trình tuân thủ nội bộ của tổ chức, doanh nghiệp

1. Chương trình tuân thủ nội bộ là hệ thống, quy trình và biện pháp do tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát thiết lập, triển khai thực hiện phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động và rủi ro nhằm bảo đảm tuân thủ quy định của Luật này và pháp luật có liên quan để nhận diện, phòng ngừa, kiểm soát và xử lý rủi ro, vi phạm về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Nội dung của chương trình tuân thủ nội bộ, bao gồm:

- a) Nhận diện, đánh giá, quản lý rủi ro;
- b) Kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;
- c) Quản lý thông tin, lưu giữ hồ sơ;
- d) Đào tạo, kiểm tra, đánh giá và cập nhật chương trình;
- đ) Cơ chế phát hiện, báo cáo, xử lý vi phạm nội bộ.

2. Chương trình tuân thủ nội bộ có thể được xây dựng độc lập hoặc tích hợp vào hệ thống quản trị, kiểm soát nội bộ hiện có. Việc xây dựng và thực hiện chương trình tuân thủ nội bộ là tiêu chí để đánh giá mức độ tuân thủ của tổ chức, doanh nghiệp và xem xét áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 19 của Luật này.

Điều 19. Đánh giá, công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên đối với tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ

1. Tổ chức, doanh nghiệp có chương trình tuân thủ nội bộ được đánh giá, công nhận và xem xét áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Thực hiện hiệu quả chương trình tuân thủ nội bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này;
- b) Chấp hành tốt chính sách, pháp luật;
- c) Thực hiện chế độ báo cáo, lưu giữ hồ sơ, cung cấp thông tin, phối hợp xác minh khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng một hoặc một số chế độ ưu tiên sau đây:

- a) Giảm tần suất, phạm vi kiểm tra, giám sát và tăng cường áp dụng hậu kiểm phù hợp với rủi ro;
- b) Đơn giản hóa chế độ khai báo, báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu; khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đã có trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- c) Ưu tiên về thời hạn xử lý hồ sơ, thủ tục thuộc diện quản lý, kiểm soát.

3. Tổ chức, doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này; cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ, kịp thời; chịu kiểm tra, giám sát, hậu kiểm theo quy định của pháp luật. Trường hợp không còn đáp ứng điều kiện hoặc vi phạm quy định của Luật này thì bị tạm đình chỉ, chấm dứt hoặc hủy bỏ chế độ ưu tiên.

4. Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, thẩm quyền đánh giá, công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên đối với tổ chức, doanh nghiệp quy định tại Điều này.

Mục 2

QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Điều 20. Kiểm soát tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Kiểm soát tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện trên cơ sở nhận diện, đánh giá, giám sát, phát hiện, báo cáo, trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa, tạm giữ tiền, tài sản và áp dụng biện pháp khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan đối với tiền, tài sản, dịch vụ tài chính, lợi ích kinh tế, tài sản số hoặc phương thức chuyển giao giá trị khác có nguy cơ được sử dụng để thực hiện, hỗ trợ, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan thực hiện nghĩa vụ phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định tại Điều 26 của Luật này. Các nghĩa vụ về nhận biết khách hàng, xác định chủ sở hữu hưởng lợi, xây dựng quy định nội bộ, báo cáo, cung cấp và lưu giữ thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. Khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện giao dịch, hành vi có dấu hiệu tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tổ chức, cá nhân phải báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trì hoãn giao dịch, phong tỏa tiền, tài sản theo quy định; phối hợp kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện trên cơ sở các tiêu chí đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt quy định tại Điều 11 của Luật này và kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về phòng, chống rửa tiền. Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được tích hợp trong kỳ đánh giá

rủi ro quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt quy định tại Điều 10 của Luật này.

2. Chu kỳ đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này.

3. Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là căn cứ để xây dựng, điều chỉnh, cập nhật chính sách, biện pháp kiểm soát tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; áp dụng biện pháp quản lý theo rủi ro, nhận diện giao dịch đáng ngờ; hướng dẫn tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghĩa vụ đánh giá, kiểm soát rủi ro; chia sẻ thông tin, phối hợp liên ngành, hợp tác quốc tế.

4. Chính phủ quy định trách nhiệm, phương pháp, nguồn thông tin, dữ liệu để đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và việc công bố, chia sẻ, khai thác, sử dụng kết quả đánh giá rủi ro quốc gia và trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 22. Giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo ngay giao dịch đáng ngờ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ giao dịch có liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Cơ sở hợp lý để nghi ngờ giao dịch liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin khi khách hàng có một hoặc nhiều dấu hiệu đáng ngờ quy định tại khoản 4 Điều này hoặc có thể từ các dấu hiệu khác do đối tượng báo cáo xác định.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý và kịp thời chuyển giao, trao đổi thông tin, dữ liệu về giao dịch đáng ngờ có liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt với Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Việc báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định tại khoản 1 Điều này không phụ thuộc vào giá trị của giao dịch, không phụ thuộc vào giao dịch đó đã hoàn thành hay chưa.

4. Dấu hiệu giao dịch đáng ngờ được xác định trên cơ sở một hoặc một số nhóm dấu hiệu sau đây:

a) Khách hàng, bên thụ hưởng, người đại diện, người kiểm soát hoặc người có liên quan thuộc Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định, danh sách cảnh báo hoặc có dấu hiệu che giấu, giả mạo danh tính;

b) Giao dịch không phù hợp với hồ sơ khách hàng, mục đích kinh tế, lĩnh vực hoạt động, năng lực tài chính hoặc lịch sử giao dịch;

c) Giao dịch liên quan đến quốc gia, vùng lãnh thổ, tuyến vận chuyển, đối tác, hàng hóa, công nghệ, dịch vụ có nguy cơ cao về phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Giao dịch có dấu hiệu chia nhỏ, chuyển tiếp qua nhiều trung gian, sử dụng cấu trúc sở hữu, thanh toán hoặc bên thụ hưởng phức tạp nhằm che giấu nguồn gốc, mục đích hoặc người hưởng lợi cuối cùng;

đ) Giao dịch tài trợ thương mại, bảo lãnh, thư tín dụng, thanh toán quốc tế, bảo hiểm, vận tải, logistics có thông tin không thống nhất về hàng hóa, tuyến vận chuyển, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng hoặc bên thụ hưởng;

e) Giao dịch sử dụng tài sản số, phương tiện thanh toán điện tử, cấu trúc sở hữu, bên trung gian, bên nhận ủy thác, bên đại diện nhằm che giấu nguồn gốc tài sản, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi hoặc chủ thể kiểm soát thực tế.

5. Căn cứ yêu cầu của công tác phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong từng thời kỳ, Cơ quan đầu mối quốc gia trình Chính phủ bổ sung các dấu hiệu đáng ngờ ngoài các dấu hiệu quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Thời hạn và chế độ báo cáo giao dịch đáng ngờ được thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

Điều 23. Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm danh sách do Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ban hành hoặc cơ quan có thẩm quyền của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ban hành và danh sách do Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt xác lập theo quy định của Luật này.

2. Tổ chức, cá nhân bị đưa vào Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có tên trong danh sách do Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hoặc cơ quan có thẩm quyền của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ban hành;

b) Có căn cứ cho thấy có hành vi thực hiện, hỗ trợ, tài trợ, chỉ đạo, kiểm soát, che giấu hoặc tạo điều kiện cho hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Hành động thay mặt, theo chỉ đạo, điều hành, kiểm soát hoặc vì lợi ích của tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.

3. Căn cứ đưa tổ chức, cá nhân ra khỏi Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định, bao gồm:

- a) Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hoặc cơ quan có thẩm quyền của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đưa ra khỏi danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định;
- b) Không còn căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;
- c) Có nhầm lẫn về danh tính;
- d) Tổ chức đã chấm dứt hoạt động, cá nhân đã chết.

4. Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định phải được cập nhật, thông báo để thực hiện ngay, không chậm trễ. Trường hợp để bảo vệ bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh, đối ngoại hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì phạm vi, phương thức công bố, thông báo được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

5. Việc đưa vào, đưa ra khỏi Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định phải được thực hiện bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

6. Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định được rà soát định kỳ hoặc đột xuất; tổ chức, cá nhân bị chỉ định có quyền kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện. Bên thứ ba ngay tình được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 24. Trì hoãn giao dịch và phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản

1. Tài sản liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm:

a) Tài sản thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, một phần hoặc toàn bộ của tổ chức, cá nhân thuộc Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định;

b) Tài sản phát sinh từ tài sản thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, một phần hoặc toàn bộ của tổ chức, cá nhân thuộc Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định;

c) Tài sản thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt hoặc kiểm soát của tổ chức, cá nhân được quyền nhân danh tổ chức, cá nhân thuộc Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định hoặc chịu sự điều hành, chỉ đạo, kiểm soát của tổ chức, cá nhân đó;

d) Tài sản được sử dụng hoặc nhằm để sử dụng vào mục đích phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; tài sản có được từ hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, hành vi chiếm đoạt hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác.

2. Trì hoãn giao dịch và phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản được áp dụng đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý, kiểm

soát trực tiếp hoặc gián tiếp của tổ chức, cá nhân bị chỉ định; tài sản phát sinh từ tài sản đó; tài sản của tổ chức, cá nhân hành động thay mặt, theo chỉ đạo hoặc vì lợi ích của tổ chức, cá nhân bị chỉ định; tài sản được sử dụng hoặc nhằm để sử dụng cho hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Việc trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản không làm chuyển quyền sở hữu tài sản và không làm mất quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, người quản lý, bên thứ ba ngay tình, trừ phần quyền bị hạn chế theo quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

4. Căn cứ áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch bao gồm:

a) Có sự trùng khớp về danh tính hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ các bên liên quan đến Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định;

b) Yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Theo yêu cầu của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện không chậm trễ biện pháp trì hoãn giao dịch khi thuộc trường hợp áp dụng biện pháp theo khoản 4 Điều này và báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm áp dụng biện pháp. Thời hạn áp dụng biện pháp trì hoãn được thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

6. Cơ quan tiếp nhận báo cáo tại khoản 5 Điều này có trách nhiệm kiểm tra, xác minh báo cáo của tổ chức, cá nhân về trì hoãn giao dịch và thông báo cho tổ chức, cá nhân đó chấm dứt ngay hoặc tiếp tục thực hiện các biện pháp phù hợp theo quy định tại khoản 7 Điều này. Thời hạn phản hồi của cơ quan tiếp nhận báo cáo không quá 48 giờ kể từ thời điểm nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân.

7. Việc phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản được thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

8. Việc phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản phải kịp thời, đúng căn cứ, phạm vi, đối tượng; quyết định hoặc thông báo áp dụng phải xác định rõ đối tượng, tài sản, giao dịch bị áp dụng, thời điểm có hiệu lực, thời hạn áp dụng, trách nhiệm thực hiện, cơ chế rà soát, khiếu nại, khởi kiện. Đối với tổ chức, cá nhân thuộc danh sách của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, thời hạn áp dụng kéo dài đến khi có quyết định đưa ra khỏi danh sách hoặc quyết định giải tỏa của cơ quan có thẩm quyền. Đối với tổ chức, cá nhân thuộc danh sách do cơ quan có

thẩm quyền của Việt Nam xác lập, thời hạn áp dụng theo quyết định chỉ định nhưng phải được rà soát định kỳ ít nhất 06 tháng một lần; trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì phải giải tỏa theo quy định tại khoản 9 Điều này.

9. Việc giải tỏa toàn bộ hoặc một phần tài sản, tài khoản bị phong tỏa; gỡ bỏ niêm phong tài sản; trả lại tài sản bị tạm giữ chỉ được thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn căn cứ áp dụng biện pháp niêm phong, phong tỏa, tạm giữ theo quy định của Luật này;

b) Có nhầm lẫn về danh tính;

c) Tài sản không thuộc sở hữu, quyền quản lý, quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của tổ chức, cá nhân bị chỉ định;

d) Cần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình;

đ) Tài sản được phép sử dụng cho nhu cầu thiết yếu, y tế, giáo dục, pháp lý, nhân đạo theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan.

Điều 25. Quyền của tổ chức, cá nhân bị chỉ định và bên thứ ba ngay tình, người có quyền và lợi ích hợp pháp liên quan

1. Tổ chức, cá nhân bị chỉ định có quyền được thông báo về việc bị chỉ định, biện pháp áp dụng, trừ trường hợp việc thông báo ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại hoặc bí mật nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân bị chỉ định có quyền kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu sửa đổi, hủy bỏ quyết định chỉ định hoặc việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân bị chỉ định hoặc bên có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan có quyền đề nghị giải tỏa một phần tài khoản, tài sản để phục vụ nhu cầu thiết yếu, y tế, giáo dục, pháp lý, nhân đạo hoặc nghĩa vụ hợp pháp khác theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan.

4. Bên thứ ba ngay tình, người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến tài khoản bị phong tỏa; tài sản bị niêm phong, phong tỏa, tạm giữ; giao dịch bị trì hoãn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền rà soát, giải tỏa toàn bộ hoặc một phần tài khoản, tài sản, giao dịch; yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu biện pháp được áp dụng trái pháp luật.

5. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, trả lời kiến nghị, yêu cầu rà soát, giải tỏa, niêm phong, phong tỏa, tạm giữ trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, tài liệu hợp lệ. Trường hợp vụ việc phức tạp thì được gia hạn một lần nhưng tổng thời gian giải quyết không quá 30 ngày và phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục kiến nghị, rà soát, giải tỏa tài sản, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị chỉ định, người có quyền, lợi ích liên quan và bên thứ ba ngay tình.

Điều 26. Trách nhiệm của tổ chức tài chính và tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo Luật này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan, bao gồm:

a) Nhận biết khách hàng, thu thập, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng; thực hiện đánh giá rủi ro, phân loại khách hàng theo rủi ro; giám sát giao dịch; xây dựng quy định nội bộ và báo cáo, cung cấp, lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Thường xuyên rà soát, đối chiếu khách hàng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, người đại diện, người được ủy quyền, giao dịch, tài sản với Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định và thông tin cảnh báo rủi ro có liên quan; c) Đóng băng tài khoản không chậm trễ, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ thời điểm đóng băng và thông báo cho tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật;

d) Không cung cấp tiền, tài sản, dịch vụ tài chính cho hoặc vì lợi ích của tổ chức, cá nhân bị chỉ định;

đ) Trì hoãn, từ chối giao dịch, chấm dứt quan hệ với khách hàng khi có căn cứ theo quy định của Luật này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan;

e) Rà soát, cập nhật, đánh giá rủi ro đối với sản phẩm, dịch vụ mới, sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ mới, phương thức thanh toán mới, tài sản số hoặc phương thức chuyển giao giá trị khác có nguy cơ bị lợi dụng để tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

g) Xây dựng chương trình đào tạo về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; cập nhật thường xuyên danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

2. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại phát sinh khi thực hiện đầy đủ, đúng quy định, thông báo, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc thực hiện đúng nghĩa vụ đóng băng, trì hoãn, phong tỏa, từ chối giao dịch theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Mục 3**THÔNG TIN, DỮ LIỆU, CẢNH BÁO SỚM****Điều 27. Chia sẻ thông tin, dữ liệu**

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc nghĩa vụ tuân thủ của mình có trách nhiệm chia sẻ, trao đổi, cung cấp, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thông tin, dữ liệu được chia sẻ, bao gồm:

a) Thông tin về tổ chức, cá nhân có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Giao dịch tài chính, dòng tiền, tài sản có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát;

d) Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định, danh mục kiểm soát, thông tin cấp phép, khai báo, giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm;

đ) Cảnh báo từ tổ chức quốc tế, cơ quan nước ngoài, cơ quan trong nước;

e) Thông tin, dữ liệu khác phục vụ quản lý rủi ro, cảnh báo.

3. Việc chia sẻ, trao đổi, cung cấp, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phải xác định rõ phạm vi, đối tượng, mục đích, thẩm quyền truy cập; bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, bảo vệ dữ liệu cá nhân và thông tin, tài liệu thuộc phạm vi hạn chế tiếp cận theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; được xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bao gồm các thông tin, dữ liệu sau đây:

a) Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định;

b) Danh mục kiểm soát quy định tại Điều 12 của Luật này;

c) Thông tin cấp phép, khai báo, kiểm soát xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải, chuyển giao có dấu hiệu liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Giao dịch tài chính, tài sản có dấu hiệu liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

đ) Kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm;

e) Dữ liệu khác phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan và cơ sở dữ liệu quốc gia khác theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định việc xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật, kết nối, khai thác, sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện.

Điều 29. Cảnh báo sớm về nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cảnh báo sớm về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện khi có thông tin về nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Nội dung cảnh báo sớm, bao gồm:

a) Chủ thể, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, hoạt động, giao dịch, tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng có dấu hiệu rủi ro;

b) Phương thức, thủ đoạn, dấu hiệu bất thường, dấu hiệu che giấu người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng hoặc trốn tránh các biện pháp trừng phạt của Liên hợp quốc;

c) Nguy cơ phổ biến, mức độ dễ bị tổn thương và hậu quả tiềm tàng có thể xảy ra.

3. Cảnh báo sớm được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức sau đây:

a) Văn bản cảnh báo của cơ quan có thẩm quyền;

b) Thông báo điện tử, thông báo qua cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, hệ thống cảnh báo chuyên ngành hoặc cổng thông tin được cơ quan có thẩm quyền xác định;

c) Thông báo trực tiếp, thông báo khẩn trong trường hợp cần xử lý ngay nguy cơ trực tiếp, hiện hữu;

d) Hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan đầu mối quốc gia có trách nhiệm chủ trì thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá, xác minh thông tin, phát hành, cập nhật, sửa đổi, thu hồi cảnh báo sớm; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tiếp nhận, xử lý, phản hồi cảnh báo theo quy định của pháp luật.

5. Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, phản hồi cảnh báo; phối hợp xác minh, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát phù hợp.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN THI HÀNH

Điều 30. Quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, trừ nội dung thực thi các điều ước quốc tế đã giao bộ quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm:

a) Ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Tổ chức đánh giá, quản lý, cập nhật đánh giá rủi ro quốc gia; xây dựng, rà soát, cập nhật Danh mục kiểm soát, tiêu chí quản lý rủi ro và biện pháp quản lý, kiểm soát theo rủi ro;

c) Tổ chức thực hiện biện pháp quản lý, kiểm soát đối với hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát trong Danh mục kiểm soát; quản lý, kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát; kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng; biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp;

d) Tổ chức việc quản lý, kiểm soát tài trợ phổ biến, Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định, phong tỏa tiền, tài sản và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

đ) Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; cơ chế cảnh báo sớm; cơ chế chia sẻ

thông tin, dữ liệu và phối hợp liên ngành trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

e) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; hướng dẫn, hỗ trợ tuân thủ; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

g) Tổ chức giám sát, kiểm tra, thanh tra, đánh giá hiệu quả thực hiện; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

i) Hợp tác quốc tế về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

k) Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu và nguồn lực khác phục vụ thi hành Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết cơ chế phối hợp, phân công, phân cấp, trách nhiệm quản lý; công tác thanh tra, kiểm tra; chế độ thông tin, báo cáo và chia sẻ dữ liệu trong tổ chức thực hiện công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 31. Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là Bộ Quốc phòng, có trách nhiệm tham mưu, giúp Chính phủ chỉ đạo, điều phối, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp tình hình, hướng dẫn tổ chức thực hiện và áp dụng biện pháp về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Chính phủ quy định chi tiết nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế hoạt động và điều kiện bảo đảm hoạt động của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 32. Lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi.

2. Lực lượng nòng cốt, bao gồm:

a) Lực lượng chuyên trách phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Lực lượng được giao thực hiện nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thuộc Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang bộ, địa phương.

3. Lực lượng rộng rãi do toàn dân tham gia.

4. Lực lượng nòng cốt được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập theo quy định của Chính phủ.

Điều 33. Nguồn lực phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Nguồn tài chính cho phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Các nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước;
- c) Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước bảo đảm ngân sách cho phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bao gồm các loại phương tiện, thiết bị, vật tư bảo đảm cho hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Chính phủ ban hành danh mục trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 34. Chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Lực lượng chuyên trách phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi thực hiện nhiệm vụ trực, nhiệm vụ có tính chất đặc thù hoặc nhiệm vụ trong môi trường nguy hiểm, độc hại được hưởng chế độ trực, chế độ phụ cấp, bồi dưỡng độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Người được điều động, huy động tham gia huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng trợ cấp; khi bị ốm đau, bị tai nạn, chết hoặc bị suy giảm khả năng lao động được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí; trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được Nhà nước hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng theo quy định của pháp luật; có thành tích thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương tích, tổn hại sức khỏe, tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

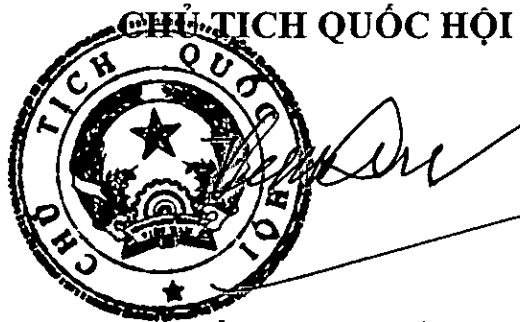
Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2027.

Điều 36. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cơ quan đầu mối quốc gia và cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đang hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. Vụ việc về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm thụ lý. *Tr*

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp không thường lệ thứ nhất, thông qua ngày 23 tháng 8 năm 2026./.



Trần Thanh Mẫn